

Phẩm 19: QUẢNG THỪA

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại thừa của Đại Bồ-tát chính là bốn Niệm xứ, bốn Niệm xứ gồm:

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đối với bên trong thân, quán sát thân mình, cũng không có thân giác, vì không thật có. Đối với bên ngoài thân, quán sát thân mình, cũng không có thân giác, vì không thật có. Đối với trong và ngoài thân, quán sát thân mình, cũng không có thân giác, vì không thật có. Đại Bồ-tát quán thân, siêng năng tinh tấn nhất tâm dứt trừ sự tham ưu của thế gian.

Đối với thọ, tâm, pháp bên trong; thọ, tâm, pháp bên ngoài, thọ, tâm, pháp cả trong lẫn ngoài, Đại Bồ-tát đều theo thọ, tâm, pháp quán sát, cũng không có thọ giác, tâm giác, pháp giác, vì không thật có, siêng tinh tấn nhất tâm trừ sự tham ưu của thế gian.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Đại Bồ-tát đối với bên trong thân quán sát thân mình?

Lúc Đại Bồ-tát đi thì biết là đi, lúc đứng thì biết là đứng, lúc ngồi thì biết là ngồi, lúc nằm thì biết là nằm. Thân hành động thế nào thì biết đúng như vậy. Đây là đối với bên trong thân, Đại Bồ-tát quán sát thân mình, siêng năng tinh tấn, nhất tâm dứt trừ sự tham ưu của thế gian, vì không thật có.

Đại Bồ-tát lúc đến, lúc đi, lúc nhìn ngó, co duỗi, cúi ngửa, lúc đắp y, ôm bát, lúc ăn uống, lúc nằm nghỉ, ngủ, thức, ngồi, đứng, nói, nín, lúc nhập thiền, xuất tịnh cũng thường nhất tâm. Đây là đối với bên trong thân, Đại Bồ-tát quán sát thân mình lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, vì không thật có.

Lúc quán sát thân mình đối với bên trong thân, Đại Bồ-tát nhất tâm niệm, lúc thở vào biết là thở vào, lúc thở ra biết là thở ra, lúc thở vào dài thì biết là thở vào dài, lúc thở ra dài thì biết là thở ra dài, lúc thở vào ngắn thì biết là thở vào ngắn, lúc thở ra ngắn thì biết là thở ra ngắn. Đây là bên trong thân Đại Bồ-tát quán sát thân mình, siêng năng tinh tấn nhất tâm dứt trừ sự tham ưu của thế gian, vì không thật có.

Đại Bồ-tát quán sát thân bốn đại nghĩ rằng trong thân thể có địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại.

Ví như người giết mổ dùng dao bén giết bò, chia làm bốn phần, rồi đứng hoặc ngồi, quán sát bốn phần thịt bò này.

Cũng giống như vậy, Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật quán sát thân thể bốn đại: địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại. Đây là bên trong thân, Đại Bồ-tát quán sát thân mình, vì không thật có.

Đại Bồ-tát lại quán sát thân thể từ đỉnh đầu đến chân, da mỏng bao bọc, nhiều thứ bất tịnh đầy đầy trong thân, nghĩ rằng thân thể có tóc, lông, móng, răng, da mỏng, da dầy, gân, thịt, xương, tủy, tim, gan, phổi, tỳ, cật, mật, ruột non, ruột già, dạ dày, bàng quang, phân, đãi, mồ hôi, cáu ghét, nước mắt, nước mũi, nước miếng, máu, mủ, đàm nhớt, não óc.

Ví như trong kho của người làm ruộng chứa lẫn lộn đầy các thứ lúa, nếp, mè, đậu, bắp. Người có mắt sáng mở kho liền thấy rõ là lúa, là nếp, là mè, là đậu, là bắp.

Đại Bồ-tát quán sát trong thân từ đầu đến chân thấy rõ từng chi tiết bất tịnh, siêng năng tinh tấn, nhất tâm dứt trừ sự tham ưu của thế gian, vì không thật có.

Đại Bồ-tát nếu thấy thân người chết đã trải qua một ngày, hai ngày đến năm ngày,

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

xanh ứ sinh trương, máu nước rỉ chảy, tự nghĩ rằng thân ta đây rồi cũng sẽ như vậy, chẳng thể thoát khỏi như thế ấy. Đây là Đại Bồ-tát bên trong thân, quán sát thân mình, siêng năng tinh tấn nhất tâm dứt trừ sự tham ưu của thế gian, vì không thật có.

Đại Bồ-tát nếu thấy thân người chết bị vất bỏ đã sáu ngày, bảy ngày, bị chôn, chố, sỏi, quạ, kên kên xé ăn, tự nghĩ rằng thân ta rồi cũng sẽ như vậy, chẳng thể thoát khỏi thế. Đây là Đại Bồ-tát đối với bên trong thân, quán sát thân mình, siêng năng tinh tấn nhất tâm dứt trừ sự tham ưu của thế gian, vì không thật có vậy.

Đại Bồ-tát nếu thấy thân người chết bị vất bỏ, cầm thú xé ăn, vung vãi hôi thối bất tịnh, tự nghĩ rằng thân ta rồi cũng sẽ như vậy, chẳng thể thoát khỏi như thế.

Nếu thấy thân người chết bị vất bỏ, da thịt đã tan, lộ bày gân xương rành rọt nhau, Đại Bồ-tát tự nghĩ rằng thân ta rồi cũng sẽ như vậy, chẳng thể thoát khỏi như thế.

Nếu thấy thân người chết bị vất bỏ, xương cốt rã rời trên đất, Đại Bồ-tát tự nghĩ rằng thân ta rồi cũng giống như vậy, chẳng thể thoát khỏi như thế.

Nếu thấy thân người chết bị vất bỏ, xương cốt vung vãi dưới đất, xương chân chỏ này, xương đầu chỏ nọ, mỗi lóng, mỗi đốt đều khác chỗ, Đại Bồ-tát tự nghĩ rằng thân ta rồi cũng sẽ như vậy, chẳng thể thoát khỏi như thế.

Nếu thấy xương khô bị bỏ lâu ngày, gió thổi, nắng chiếu, màu trắng như vỏ ốc, Đại Bồ-tát tự nghĩ rằng thân ta rồi cũng sẽ như vậy, chẳng thể thoát khỏi như thế.

Nếu thấy xương khô bị bỏ dưới đất lâu ngày mục rã nát bấy lẫn lộn với đất, Đại Bồ-tát tự nghĩ rằng thân ta rồi cũng sẽ như vậy, chẳng thể thoát khỏi như thế. Thân Đại Bồ-tát quán sát thân mình bên trong thân siêng năng tinh tấn nhất tâm dứt trừ sự tham ưu của thế gian, vì không thật có.

Như quán sát bên trong thân, đối với bên ngoài thân và bên trong lẫn ngoài thân, cũng quán sát thân mình như vậy.

Cũng phải y theo như trên đây mà giảng giải chi tiết về Thọ niệm xứ, Tâm niệm xứ và Pháp niệm xứ.

Đây gọi là Đại thừa của Đại Bồ-tát, vì không thật có.

Này Tu-bồ-đề! Lại có Đại thừa của Đại Bồ-tát, chính là bốn Chánh cần, bốn Chánh cần gồm:

1. Đại Bồ-tát đối với những pháp ác bất thiện chưa phát sinh, vì làm cho pháp ác chẳng sinh nên muốn có tâm siêng năng tinh tấn mà nhất tâm hành đạo.

2. Đối với pháp ác bất thiện đã phát sinh, vì muốn dứt trừ nên muốn có tâm siêng năng tinh tấn mà nhất tâm hành đạo.

3. Đối với pháp thiện chưa phát sinh, vì muốn phát sinh nên muốn có tâm siêng năng tinh tấn mà nhiếp tâm hành đạo.

4. Đối với pháp lành đã phát sinh, vì làm cho còn mãi để tu tập được đầy đủ rộng lớn nên muốn có tâm siêng năng tinh tấn mà thu nhiếp tâm để hành đạo, vì không thật có.

Đây gọi là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Lại có Đại thừa của Đại Bồ-tát, đó là bốn phần Như ý, bốn phần Như ý gồm:

1. Đại Bồ-tát vì sự mong muốn quyết định hạnh thành tựu mà tu phần Như ý.

2. Vì sự nhất tâm quyết định hạnh thành tựu mà tu phần Như ý.

3. Vì sự tinh tấn quyết định hạnh thành tựu mà tu phần Như ý.

4. Vì sự tư duy quyết định hạnh thành tựu mà tu phần Như ý.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Đây là Đại thừa của Đại Bồ-tát, vì không thật có.

Này Tu-bồ-đề! Lại có Đại thừa của Đại Bồ-tát, đó là năm Căn, năm Căn gồm:

Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn. Đây là Đại thừa của Đại Bồ-tát, vì không thật có.

Lại có Đại thừa của Đại Bồ-tát, đó là năm Lực, năm Lực gồm có.

Tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, đây là Đại thừa của Đại Bồ-tát, vì không thật có.

Lại có Đại thừa của Đại Bồ-tát, đó là bảy Giác phần, bảy Giác phần gồm: Đại Bồ-tát tu phần giác Niệm, phần giác, phần giác Tinh tấn, phần giác Hỷ, phần giác Trừ, phần giác Định, phần giác Xả, nương vào sự xa lìa, nơi không nhiễm, hướng đến Niết-bàn. Đó gọi là Đại thừa của Đại Bồ-tát, vì không thật có.

Lại có tám phần Thánh đạo là Đại thừa của Đại Bồ-tát, tám phần Thánh đạo đó gồm: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định. Đó gọi là Đại thừa của Đại Bồ-tát, vì không thật có.

Lại có ba môn Tam-muội là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Ba môn Tam-muội là: Tam-muội Không, Tam-muội Vô tướng và Tam-muội Vô tác.

Tam-muội không là nói các pháp tự tướng rỗng không, đó gọi là giải thoát môn Không.

Tam-muội Vô tướng là nói diệt hoại các pháp tướng, không nghĩ, không nhớ, đó gọi là giải thoát môn Vô tướng.

Tam-muội Vô tác là nói đối với các pháp không mong cầu tạo tác, đó gọi là giải thoát môn Vô tác.

Ba môn này là Đại thừa của Đại Bồ-tát vì không thật có.

Lại có Đại thừa của Đại Bồ-tát, chính là Khổ trí, Tập trí, Diệt trí, Đạo trí, Tận trí, Vô sinh trí, Pháp trí, Tỷ trí, Thế trí, Tha tâm trí và Như thật trí.

Thế nào là Khổ trí? Biết khổ chẳng sinh, đó gọi là Khổ trí.

Thế nào là Tập trí? Biết tập phải dứt, đó gọi là Tập trí.

Thế nào là Diệt trí? Biết khổ diệt, đó gọi là Diệt trí.

Thế nào là Đạo trí? Biết tám phần Thánh đạo, đó gọi là Đạo trí.

Thế nào là Tận trí? Biết tham, sân, si diệt tận, đó gọi là Tận trí.

Thế nào là Vô sinh trí? Biết không còn sinh trong các cõi hữu lậu, đó gọi là Vô sinh trí.

Thế nào là Pháp trí? Biết căn bản của năm ấm, đó gọi là Pháp trí.

Thế nào là Tỷ trí? Biết nhân vô thường cho đến biết các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là vô thường, đó gọi là Tỷ trí.

Thế nào là Thế trí? Biết nhân duyên danh tự, đó gọi là Thế trí.

Thế nào là Tha tâm trí? Biết tâm niệm của các chúng sinh khác, đó gọi là Tha tâm trí.

Thế nào là Như thật trí? Biết Nhất thiết chủng trí của chư Phật, đó gọi là Như thật trí.

Mười một trí này là Đại thừa của Đại Bồ-tát vì không thật có.

Lại có ba căn là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Ba căn ấy gồm: Căn vị tri dục tri, Căn tri và Căn trí giả.

1. Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn và Tuệ căn, năm Căn của hàng Hữu

học chưa đắc quả, đó gọi là Căn vị tri dục tri.

2. Năm Căn của hàng Hữu học đã đắc quả, đó gọi là Tri căn.

3. Năm Căn của bậc Vô học, hoặc A-la-hán, Bích-chi-phật, hoặc chư Phật, đó gọi là Căn trí giả.

Ba căn này là Đại thừa của Đại Bồ-tát vì không thật có.

Lại có ba Tam-muội là Đại thừa của Đại Bồ-tát. Ba Tam-muội ấy gồm: Tam-muội Hữu giác hữu quán, Tam-muội Vô giác hữu quán và Tam-muội Vô giác vô quán.

1. Rời những dục nhiễm và rời các pháp ác bất thiện có giác, có quán, rời dục nhiễm phát sinh hỷ lạc nhập vào Thiền thứ nhất, đó gọi là Tam-muội hữu giác hữu quán.

2. Chặng giữa của Thiền thứ nhất và Thiền thứ hai, đó gọi là Tam-muội Vô giác hữu quán.

3. Từ Thiền thứ hai đến Phi hữu tướng phi vô tướng định, đó gọi là Tam-muội Vô giác vô quán.

Ba Tam-muội này là Đại thừa của Đại Bồ-tát, vì không thật có.

Lại có mười niệm là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Mười niệm ấy là: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả, niệm thiên, niệm thiện, niệm hơi thở ra vào, niệm thân và niệm chết.

Mười chánh niệm này là Đại thừa của Đại Bồ-tát, vì không thật có.

Lại có bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn định Vô sắc, tám Bội xả và chín Định thứ đệ là Đại thừa của Đại Bồ-tát, vì không thật có.

Lại có Đại thừa của Đại Bồ-tát, đó là mười Lực.

Mười Lực ấy là:

1. Phật biết như thật các tướng chỗ đúng, chỗ không đúng của tất cả pháp.

2. Phật biết như thật những nghiệp, những pháp lãnh thọ của chúng sinh khác, biết chỗ tạo nghiệp, biết nhân duyên, biết quả báo của chúng sinh khác.

3. Phật biết như thật các tướng cấu tịnh khác nhau của các thiền giải thoát, các Tam-muội và các định.

4. Phật biết như thật các tướng căn tánh thượng, hạ của chúng sinh khác.

5. Phật biết như thật các thứ dục giải của chúng sinh khác.

6. Phật biết như thật vô số tánh loại khác nhau của thế gian.

7. Phật thấy biết như thật chỗ đến của tất cả đạo hạnh.

8. Phật như thật biết túc mạng của mình và của chúng sinh khác từ một đời đến vô lượng đời trong vô lượng kiếp có tướng như vậy, có nhân duyên như vậy.

9. Phật có Thiên nhãn thanh tịnh hơn các vị trời, biết như thật chúng sinh chết đây sinh kia, hoặc đường lành hoặc đường ác.

10. Phật biết như thật các lậu hết nên tâm vô lậu giải thoát, tuệ vô lậu giải thoát, trong pháp hiện tại tự chứng biết nhập vào pháp ấy, nghĩa là chứng biết như thật ta đã hết sinh tử, đã thành phạm hạnh, từ đời này chẳng còn thấy có đời sau nữa.

Mười Trí lực này là Đại thừa của Đại Bồ-tát, vì không thật có.

Lại có Đại thừa của Đại Bồ-tát, đó là bốn Vô sở úy, bốn Vô sở úy gồm:

1. Phật nói lời thành thật rằng ta là Bạc Nhất Thiết Chánh Trí. Đối với những điều như thật gạn hỏi về các pháp của tất cả đại chúng, Phật tự thấy không có mảy may e sợ. Vì thế nên Phật rất được an ổn, được vô sở úy, an trụ, ngôi Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng sư tử rống, chuyển pháp luân thanh tịnh mà tất cả hàng Sa-môn, Bà-la-

môn, Thiên vương, Phạm vương, Ma vương, cùng chúng sinh khác đều không thể xoay được, đây là vô sở úy thứ nhất.

2. Phật nói lời thành thật rằng ta là bậc mà tất cả lậu đã dứt trừ sạch hết. Đối với lìa gạn hỏi như thật về dứt trừ phiền não hữu lậu của tất cả đại chúng, Phật tự thấy không có mảy may e sợ. Vì thế nên Phật rất được an ổn, được vô sở úy, an trụ trên ngôi Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng như sư tử rống chuyển pháp luân thanh tịnh mà tất cả trời, người và chúng sinh khác không chuyển được. Đây là vô sở úy thứ hai.

3. Phật nói lời thành thật rằng đây là những pháp chương ngại chánh đạo giải thoát. Đối với những lời gạn hỏi như thật về pháp chương đạo này của tất cả đại chúng, Phật tự thấy không có mảy may e sợ. Vì thế nên Phật rất được an ổn, được vô sở úy, an trụ bậc Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng như sư tử rống chuyển pháp luân thanh tịnh mà tất cả trời, người và cùng chúng sinh khác đều không chuyển được. Đây là vô sở úy thứ ba.

4. Phật nói lời thành thật rằng các Thánh đạo mà ta đã dạy chắc chắn giúp ra khỏi thế gian, theo đây thực hành thì sẽ hết khổ. Đối với những lời gạn hỏi như thật về Thánh đạo này của tất cả đại chúng, Phật tự thấy không có mảy may e sợ. Vì thế nên Phật rất được an ổn, được vô sở úy, an trụ bậc Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng như sư tử rống chuyển pháp luân thanh tịnh mà tất cả trời, người và chúng sinh khác đều không xoay được. Đây là vô sở úy thứ tư.

Bốn Vô sở úy này là Đại thừa của Đại Bồ-tát vì không thật có.

Lại có Đại thừa của Đại Bồ-tát, đó là bốn Trí vô ngại.

Bốn trí ấy là: Trí Pháp vô ngại, trí Nghĩa vô ngại, trí Từ vô ngại và trí Nhạo thuyết vô ngại. Đây là Đại thừa của Đại Bồ-tát vì không thật có.

Lại có Đại thừa của Đại Bồ-tát đó là mười tám pháp Bất cộng, mười tám pháp ấy gồm:

1. Thân chư Phật không lỗi.
2. miệng chư Phật không lỗi.
3. Ý niệm của chư Phật không lỗi.
4. Chư Phật không có dị tướng.
5. Chư Phật không có tâm bất định.
6. Chư Phật không có tâm chẳng biết nên xả.
7. Nguyên dục không diệt.
8. Tinh tấn không diệt.
9. Chánh niệm không diệt.
10. Tuệ không diệt.
11. Giải thoát không diệt.
12. Giải thoát trí kiến không diệt.
13. Tất cả thân nghiệp của Phật đều thực hành theo trí tuệ.
14. Tất cả khẩu nghiệp đều thực hành theo trí tuệ.
15. Tất cả ý nghiệp đều thực hành theo trí tuệ.
16. Trí tuệ của Phật thấy biết quá khứ không ngại, không chướng.
17. Trí tuệ thấy biết thuở vị lai không ngại, không chướng.
18. Trí tuệ thấy biết hiện tại không ngại, không chướng.

Đây là Đại thừa của Đại Bồ-tát, vì không thật có.

Lại có Đại thừa của Đại Bồ-tát, đó là các chữ nhập môn của các văn tự, các ngôn

ngữ.

Các chữ nhập môn của các văn tự, ngôn ngữ ấy là:

Môn chữ A, vì tất cả pháp từ đầu vốn là không sinh.

Môn chữ La, vì tất cả pháp lìa cấu.

Môn chữ Ba, vì tất cả pháp Đệ nhất nghĩa vậy.

Môn chữ Giá, tất cả pháp hoàn toàn không thật có, vì tất cả pháp bất diệt, bất sinh.

Môn chữ Na, vì tất cả pháp lìa danh tướng không được, không mất.

Môn chữ Lã, vì tất cả pháp thoát khỏi thế gian, cũng là vì nhân duyên thuộc chi ái đã dứt diệt.

Môn chữ Đà, vì tất cả pháp tâm thiện phát sinh, cũng là tướng xả thí.

Môn chữ Bà, vì các pháp bà tự rời lìa.

Môn chữ Đồ vì các pháp đồ tự thanh tịnh.

Môn chữ Sa, vì các pháp tánh tự tại thanh tịnh.

Môn chữ Hòa, vì nhập vào các pháp, dứt bắt ngữ ngôn.

Môn chữ Đa, vì nhập vào các pháp, như tướng bất động.

Môn chữ Dạ, vì nhập vào các pháp, như thật bất sinh.

Môn chữ Tra, vì nhập vào các pháp, chiết phục không thật có.

Môn chữ Ca, vì nhập vào các pháp, tác giả không thật có.

Môn chữ Ta, vì nhập vào các pháp, thời gian không thật có, vì các pháp thời gian lay chuyển.

Môn chữ Ma, vì nhập vào các pháp, ngã sở không thật có.

Môn chữ Già, vì nhập vào các pháp, các khứ khác không thật có.

Môn chữ Tha, vì nhập vào các pháp, nơi chốn không thật có.

Môn chữ Xà, vì nhập vào các pháp, sinh không thật có.

Môn chữ Bả, vì nhập vào các pháp, chữ Bả không thật có.

Môn chữ Đà, vì nhập vào các pháp, tánh không thật có.

Môn chữ Xa, vì nhập vào các pháp, định không thật có.

Môn chữ Khư, vì nhập vào các pháp, hư không không thật có.

Môn chữ Xoa, vì nhập vào các pháp, diệt tận không thật có.

Môn chữ Đá, vì nhập vào các pháp, hữu không thật có.

Môn chữ Nhã, vì nhập vào các pháp, trí không thật có

Môn chữ Tha, vì nhập vào các pháp, tha tự không thật có.

Môn chữ Bà, vì nhập vào các pháp, phá hoại không thật có.

Môn chữ Xa, vì nhập vào các pháp, dục không thật có, năm ấm như ảnh cũng không thật có.

Môn chữ Ma, vì nhập vào các pháp, chữ ma không thật có.

Môn chữ Hỏa, vì nhập vào các pháp, kêu gọi không thật có.

Môn chữ Ta, vì nhập vào các pháp, ta tự không thật có.

Môn chữ Noa, vì nhập vào các pháp, chẳng đến, chẳng đi, chẳng đứng, chẳng ngồi, chẳng nằm.

Môn chữ Phả, vì nhập vào các pháp, bờ mé không thật có.

Môn chữ Ca, vì nhập vào các pháp, chữ Ca không thật có.

Môn chữ Sai, vì nhập vào các pháp, chữ Sai không thật có.

Môn chữ Già, vì nhập vào các pháp hiện hành không thật có.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Môn chữ Tra, vì nhập vào các pháp, cong vạy không thật có.

Môn chữ Đồ, vì nhập vào các pháp, chỗ cùng tột bến bờ nên chẳng diệt, chẳng sinh.

Ngoài chữ Đồ thì không còn chữ nào có thể giảng nói. Vì sao? Vì không còn có chữ. Những chữ vô ngại, vô danh, cũng diệt, chẳng nói được, chẳng chỉ được, chẳng thấy được, chẳng biên chép được.

Này Tu-bồ-đề! Phải biết tất cả pháp như hư không. Đó gọi là Đà-la-ni môn, chính là nghĩa chữ A.

Nếu Đại Bồ-tát, đối với các tự môn ấn, A tự ấn này, hoặc nghe, hoặc thọ, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc trì, hoặc giảng nói cho người khác nghe thì biết rằng sẽ được hai mươi công đức. Hai mươi công đức ấy gồm:

1. Được nhớ dai.
2. Biết hổ thẹn.
3. Được tâm kiên cố.
4. Được chỉ thú của kinh.
5. Được trí tuệ.
6. Được lạc thuyết vô ngại.
7. Dễ được những môn Đà-la-ni khác.
8. Được tâm không nghi ngờ hối hận.
9. Được nghe lành chẳng mừng, nghe dữ chẳng giận.
10. Được chẳng cao, chẳng thấp, an trụ tâm không thêm, không bớt.
11. Được khéo léo, biết lời nói của chúng sinh.
12. Được phân biệt hoàn toàn về năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới, mười hai nhân duyên, bốn duyên và bốn đế.
13. Phân biệt hoàn toàn về các căn tánh lợi độn của chúng sinh.
14. Khéo biết tâm niệm của người khác.
15. Khéo phân biệt ngày, tháng, năm, mùa.
16. Khéo phân biệt Thiên nhĩ thông.
17. Khéo phân biệt Túc mạng thông.
18. Khéo phân biệt sinh tử thông.
19. Khéo giảng nói nơi đúng, nơi sai.
20. Khéo biết oai nghi qua, lại, ngồi, đứng của thân.

Các môn Đà-la-ni, môn tự, môn chữ A này gọi là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát, vì không thật có.

